

RESEARCH TREND ON URBANIZATION IN VIETNAM

Pham Thi Binh^{1*} and Nguyen Thi Ngoc²

¹ *Department of Geography,
Ho Chi Minh University of Education,
Ho Chi Minh City, Vietnam*

² *Vietnam Australian School,
Ho Chi Minh City, Vietnam*

*Corresponding author: Pham Thi Binh,
e-mail: binhpt@hcmue.edu.vn

Received September 9, 2024.

Revised January 7, 2025.

Accepted January 13, 2025.

XU HƯỚNG NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM

Phạm Thị Bình^{1*} và Nguyễn Thị Ngọc²

¹ *Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm
thành phố Hồ Chí Minh,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

² *Trường quốc tế Việt Úc,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Phạm Thị Bình,
e-mail: binhpt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 9/9/2024.

Ngày sửa bài: 7/1/2025.

Ngày nhận đăng: 13/1/2025.

Abstract. By reviewing studies on urbanization in Vietnam before and after 2010, this paper clarifies the gap in content, research approaches, and methodological perspectives that need further exploration. Specifically, the study highlights the necessity of: (1) conducting quantitative research to assess the impact factors on urbanization; (2) carrying empirical studies on certain local urban areas to find out the similarities and differences, to define the general rules throughout Vietnam; (3) exploring new research directions on urbanization in the 4.0 era. Addressing these gaps is essential to analyze the entire urbanization of Vietnam, enabling urbanization more reasonably and effectively.

Keywords: urbanization, research trends, Vietnam.

Tóm tắt. Thông qua việc tổng quan các công trình nghiên cứu về đô thị hóa giai đoạn trước và sau 2010 đến nay tại Việt Nam, bài báo làm rõ những khoảng trống về nội dung, hướng tiếp cận, phương pháp nghiên cứu mới cần bổ sung. Cụ thể, bài báo cho thấy sự cần thiết phải: 1- thực hiện những đề tài nghiên cứu định lượng để đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến quá trình đô thị hóa; 2- thực hiện những nghiên cứu về thực tiễn đô thị hóa ở các địa phương nhằm tìm ra những điểm tương đồng, khác biệt để xác định những quy luật đô thị hóa chung trên cả nước; 3- xác định hướng nghiên cứu mới về đô thị hóa trong thời kỳ 4.0. Việc bổ sung các hướng nghiên cứu này là cần thiết nhằm phân tích đúng, đủ tình hình thực tế ở Việt Nam để thúc đẩy quá trình đô thị hóa ngày càng hợp lý và hiệu quả.

Từ khóa: đô thị hóa, hướng nghiên cứu, Việt Nam.

1. Mở đầu

Đô thị hóa (ĐTH) là vấn đề được các nhà địa lí trên thế giới tiên phong nghiên cứu từ thế kỷ vấn đề công nghiệp hóa (CNH), phân bố dân cư, chất lượng cuộc sống... Trên thế giới quá trình ĐTH đã diễn ra từ lâu tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất công nghiệp, là nền tảng cho quá trình CNH

của mỗi quốc gia. Quá trình ĐTH có tác động mạnh mẽ làm thay đổi cơ cấu kinh tế (CCKT), cơ cấu lao động, cơ cấu sử dụng đất, không gian kiến trúc xây dựng từ nông thôn sang thành thị.

Ở Việt Nam, quá trình ĐTH diễn ra khá nhanh với những điểm khác biệt so quy luật chung. Từ 2000 đến nay, các hướng nghiên cứu về ĐTH ở Việt Nam tập trung chủ yếu vào hai nhóm sau: (1) nghiên cứu khái quát về cơ sở lý luận, (2) nghiên cứu các vấn đề thực tiễn về ĐTH tại ĐTH phổ biến tại Việt Nam gồm: ĐTH tự phát, ĐTH ngoại vi và ĐTH nông thôn. Khởi đầu là thị chưa thực sự hiệu quả dẫn đến các hệ quả: tỉ lệ dân nhập cư cao gây áp lực lớn đến các vấn đề việc làm, lao động, nhà ở, tội phạm... trong khu vực nội thành; quá trình CNH diễn ra chưa đồng bộ với quá trình ĐTH; phát triển kinh tế còn phụ thuộc vào vốn đầu tư nước ngoài quá trình ĐTH ở Việt Nam mang tính “tự phát trong khuôn khổ” [1-6]. Đây là những vấn đề nổi cộm ở Việt Nam trong giai đoạn đầu của quá trình ĐTH và CNH tập trung.

ĐTH ngoại vi là vấn đề được quan tâm ở giai đoạn hai của quá trình ĐTH nước ta. Do vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của các quận, huyện trong thành phố lớn có đặc thù khác nhau, xu hướng ĐTH không tập trung ở khu vực nội thành mà mở rộng ra ngoại thành. Trong khi đó, ĐTH ở các thành phố vừa và nhỏ lại chịu tác động lớn từ chính sách, chủ trương nâng cấp đô thị của các cấp chính quyền [7]. Những năm gần đây, xu hướng ĐTH nông thôn bắt đầu gia tăng đi đôi với quá trình CNH dần đều. Nhiều khu công nghiệp được xây dựng ở các tỉnh thành trên cả nước góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, chuyển đổi CCKT vùng nông thôn; đồng thời giảm tác động tiêu cực tại các thành phố lớn. Quá trình ĐTH đã có những tác động lớn đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất, cơ hội tạo việc làm, xu hướng di dân và chuyển đổi CCKT ở khu vực nông thôn. Các khu vực nông thôn đã, đang và sẽ diễn ra sự chuyển biến và xâm nhập lối sống đô thị [8-10].

Nhóm công trình nghiên cứu về những vấn đề thực tiễn trong quá trình ĐTH tại các đô thị ngày càng nhiều, góp phần làm sáng tỏ và bổ sung các vấn đề lý luận về ĐTH ở nước ta như: đề xuất các giải pháp quản lý, điều tiết tình trạng di dân ngoại tỉnh vào TP lớn như Hà Nội phải có tính đồng bộ cao, mang tính hiệu quả về KT-XH trước mắt cũng như lâu dài [1, 6]; những tác động của ĐTH đến văn hóa khu vực nông thôn [11]; các vấn đề xã hội vùng ven đô [12].

Có thể thấy, các vấn đề lý luận và thực tiễn về ĐTH đã được quan tâm, nghiên cứu ở Việt Nam. Các nghiên cứu ngày một chuyên sâu, chi tiết và cụ thể hơn góp phần vào việc đưa ra những điều chỉnh, định hướng chiến lược phù hợp thúc đẩy sự phát triển KT-XH các địa phương và cả nước. Tuy nhiên, nghiên cứu về ĐTH ở nước ta còn những khoảng trống, cần bổ sung, làm rõ. Vì vậy, mục tiêu của bài báo này là tổng quan những hướng nghiên cứu đã thực hiện; tìm ra những khoảng trống trong nghiên cứu về ĐTH tại Việt Nam, từ đó đề xuất các vấn đề, nội dung cần nghiên cứu góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận hoặc bổ sung minh chứng từ thực tiễn trong quá trình ĐTH ở các vùng miền, tỉnh thành trong cả nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài báo này sử dụng dữ liệu thứ cấp để phân tích thông qua hai PPNC chính sau: Phương pháp thu thập dữ liệu và phương pháp phân tích nội dung.

Phương pháp thu thập dữ liệu: được sử dụng để tìm kiếm dữ liệu về các công trình liên quan đến ĐTH. Để thu thập dữ liệu phù hợp, từ khóa “đô thị hóa” và “urbanization in Vietnam” được sử dụng để tìm kiếm các công trình đã công bố cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Sau đó, những nghiên cứu về ĐTH ở Việt Nam được lọc ra để phân tích.

Nhóm tác giả đã chọn lọc và sắp xếp các bài báo nghiên cứu về ĐTH ở nước ta theo mạch thời gian, chủ yếu từ năm 2000 đến nay. Chỉ các bài báo đăng trên những tạp chí có chỉ số ISBN

mới được thu thập. Sau khi phân loại, thống kê, nhóm tác giả đã phân tích, tổng hợp để đưa ra những nhận định, kết luận về tình hình và xu hướng nghiên cứu về quá trình ĐTH tại Việt Nam. Các công trình thu thập được gồm bài báo và sách đã công bố về ĐTH ở Việt Nam. Đây là nguồn dữ liệu thứ cấp quan trọng để phân tích trong nghiên cứu này

Phương pháp phân tích nội dung: được sử dụng để so sánh, phân loại, tổng hợp dữ liệu mang tính hệ thống và khách quan. Theo [13] Krippendorff (2004), phương pháp này có thể phân tích cả hai dạng dữ liệu định tính (nếu chỉ sử dụng dữ liệu thứ cấp hay phân tích nguồn phát dữ liệu) và định lượng nếu dựa vào việc phân tích tần số của dữ liệu dạng chữ. Vì vậy, bài báo này sẽ kết hợp cả phân tích nội dung định tính và định lượng. Các công trình đã thu thập sẽ được phân loại để tìm ra những mảng nội dung, phương pháp đã sử dụng trong nghiên cứu ĐTH ở Việt Nam.

2.2. Những nội dung đô thị hóa đã được nghiên cứu ở Việt Nam

2.2.1. Tổng hợp các nghiên cứu về ĐTH từ năm 2000 đến nay

Ở Việt Nam, vấn đề ĐTH đã được quan tâm, nghiên cứu từ lâu. Theo thời gian, các công bố đã gia tăng về số lượng, nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, tương ứng với tốc độ, quy mô ĐTH trong nước.

Bảng 1. Tổng quan các công trình nghiên cứu về ĐTH ở Việt Nam

Giai đoạn	Trước 2010	2010 - nay
1-Về số lượng công trình	13	29
2-Về nội dung nghiên cứu	1-Cơ sở lý luận về ĐTH nói chung 2-Kinh nghiệm ĐTH từ các nước ĐNA 3-Thực trạng phát triển đô thị Việt Nam 4-Lối sống đô thị 5- Quá trình ĐTH nông thôn	1-Cơ sở lý luận về ĐTH nói chung 2-Kinh nghiệm ĐTH từ các quốc gia trên thế giới 3-Thực trạng phát triển đô thị Việt Nam 4-Lối sống đô thị 5- Quá trình ĐTH nông thôn Nội dung nghiên cứu mới: 1-Cơ sở lý luận về đô thị, hiện đại hóa đô thị, quản lý đô thị thông minh. 2-Văn hóa đô thị 3-Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ĐTH. 4-Xây dựng tiêu chí đánh giá quá trình ĐTH 5-Phát triển đô thị thông minh
	6-Các vấn đề về lý luận ĐTH	25 công trình
	7-Các vấn đề về thực tiễn ĐTH tại địa phương	17 công trình

Qua tổng quan 42 công trình trong bài báo này cho thấy, giai đoạn trước 2010 các vấn đề lý luận chung về ĐTH, những bài học kinh nghiệm từ các nước trên thế giới và trong khu vực được quan tâm. Từ 2010 đến nay, nội dung nghiên cứu được cập nhật và mở rộng, phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị trong giai đoạn hội nhập, phản ánh tình hình ĐTH trong thực tiễn các địa phương như: đất đai, văn hóa đô thị, cấu trúc đô thị... PPNC cũng có sự mở rộng như: nghiên cứu trường hợp, hỗn hợp, định lượng. Tuy còn ít, nhưng số lượng công trình sử dụng các PPNC định lượng đã gia tăng.

2.2.2. Các hướng nghiên cứu

Các nghiên cứu về ĐTH được công bố nhiều từ lâu. Khởi đầu là các nghiên cứu khái quát về cơ sở lý luận. Sau đó, hướng nghiên cứu mở rộng sang các vấn đề trong thực tiễn, những chuyển biến, tác động của ĐTH đến KT-XH, văn hóa, môi trường...

2.2.2.1. Hướng nghiên cứu về cơ sở lý luận đô thị hóa

Đã có khá nhiều nghiên cứu về cơ sở lý luận ĐTH. Một trong số những công trình đầu tiên tại Việt Nam là [14] “*Đô thị Việt Nam tập I, tập II*” (1995) của Đàm Trung Phụng. Trong hai cuốn sách này tác giả tập trung vào việc đánh giá thực trạng mạng lưới đô thị Việt Nam và nghiên cứu định hướng phát triển trong bối cảnh ĐTH thế giới. Trong tập I tác giả đã tổng quan về sự hình thành và phát triển của các đô thị, từ thời cổ đại đến hiện đại. Trong tập II tác giả tiếp tục nghiên cứu sự phát triển của các đô thị Việt Nam giai đoạn hiện đại và những thách thức của quá trình ĐTH. Công trình làm rõ các xu hướng phát triển đô thị, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam chuyển đổi từ thời kỳ bao cấp sang nền kinh tế thị trường; phân tích ảnh hưởng của các biến động xã hội và chính trị, phong trào ĐTH và quá trình hiện đại hóa trong thế kỉ XX, đối với sự thay đổi và phát triển của đô thị Việt Nam là hoàn toàn phù hợp với xu hướng thời đại.

Công trình *Đô thị hóa tại Việt Nam và Đông Nam Á*, do Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ xuất bản năm 1996, là cuốn sách nhiều tác giả bàn luận sâu về cơ sở lý luận ĐTH, có tham khảo kinh nghiệm các nước trong khu vực. Trong đó, nghiên cứu của Mạc Đường [15] đã đề cập đến hai lý luận quan trọng hiện nay vẫn được xem là cơ sở của quá trình ĐTH, gồm: (1) Quá trình ĐTH là sự phát triển của nền văn minh phi nông nghiệp trên cơ sở phát huy các tiềm năng KT-XH. (2) Trong quản lý đô thị, nhân tố xã hội – nhân văn có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển các đô thị. Đối chiếu với quá trình ĐTH ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á, Nguyễn Đăng Sơn [16] làm rõ sự gắn bó, ràng buộc lẫn nhau về nhiều mặt trong mối quan hệ kinh tế; xu hướng tạo thành những cụm thị trường liên kết chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau của các thành phố. Xu hướng phát triển kinh tế đã làm cho quá trình ĐTH ở các nước mang nhiều sắc thái hơn. Quá trình ĐTH đã trải qua nhiều giai đoạn từ phát triển “thành phố công nghiệp” đến các thành phố “cụm đô thị”. Phát triển đô thị theo kiểu này phù hợp với chính sách của các nước đang phát triển, quan tâm đến vấn đề sử dụng đất đai, định cư, thu hút vốn đầu tư, giảm ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, CNH nông thôn và từng bước ĐTH sẽ giảm sức ép dân số ở các thành phố lớn.

Cũng trong công trình *Đô thị hóa tại Việt Nam và Đông Nam Á*, nhiều tác giả khác đã nêu ra những giải pháp phù hợp thực tiễn ĐTH [17] như: Nguyễn Nghị làm rõ trở ngại lớn của quá trình ĐTH trong trường hợp ở Philippin. Do chế độ tập trung ruộng đất nên việc trả lại đất cho người nông dân được xem là điều kiện tiên quyết. Trong khi đó, một trong những biện pháp giúp Malaysia hạn chế mức độ tập trung dân số ở đô thị trong quá trình ĐTH là: (1) thực hiện chủ trương đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, thực hiện từ cuối những năm 1960; và (2) tăng cường các trung tâm phát triển khu vực từ giữa những năm 1970. Chính sách này được thực hiện thông qua các chương trình khai khẩn đất, lập làng nông nghiệp mới và hiện đại, thực hiện cách mạng xanh. Các chương trình thu hút công nhân nông nghiệp về vùng xa xôi phía Đông với mức lương cơ bản và trợ cấp cao, chương trình đào tạo thanh niên nông thôn được chú trọng. Điều này cho thấy tầm quan trọng của chính sách đối với việc giải quyết tận gốc các vấn đề đặt ra trong quá trình ĐTH. Trường hợp của Singapore [18] đã thành công trong việc cung cấp nhà ở cho người dân, với dịch vụ ngày càng tốt hơn thông qua Cơ quan phát triển và nhà ở thuộc Bộ phát triển Quốc gia Singapore. Có thể khẳng định, nhà ở là thước đo rõ rệt cho sự ổn định, tăng tiến vững chắc của cuộc sống có chất lượng cao; những tiến bộ khác về KT-XH, văn hóa, chính trị. Đảm bảo vấn đề nhà ở đô thị là điều Việt Nam cần học hỏi và thực hiện trong quá trình ĐTH.

Nhìn chung, các tác giả đã nêu lên một số vấn đề then chốt về ĐTH ở các nước châu Á trong thế kỉ XXI. Các nước đều đã có những sai lầm và nhận thức khác nhau về vấn đề cần cải thiện. Do có những đặc điểm giống nhau, một số vấn đề chung cần chú ý là: (1) ĐTH phải được xây dựng trên cơ sở tiết kiệm tài nguyên, phát triển ĐTH bền vững, mô hình mở cửa, ĐTH phải có

một tỉ trọng thích hợp; (2) ĐTH không chỉ phát triển về số lượng mà quan trọng hơn còn phải nâng cao chất lượng, trình độ và tổ chức của cả dân số thành thị và nông thôn; (3) mô thức ĐTH phải theo tình hình cụ thể của mỗi nước do nền tảng lịch sử, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế và tập quán truyền thống khác nhau.

Những cơ sở lí luận về quản lí đô thị và đô thị chuyển đổi được làm sáng tỏ trong nghiên cứu của Võ [10]. Nghiên cứu này tập trung vào một số vấn đề nhạy cảm trong quản lí đô thị như quan điểm chính sách; quy hoạch và đất đai; quản lí phát triển; cải cách hành chính xây dựng bộ máy quản lí đô thị. Đây là khía cạnh không mới nhưng vẫn chưa khắc phục được trong quá trình ĐTH ở Việt Nam. Tiến trình ĐTH có tính quy luật về nhiều mặt như: tính giai đoạn, tự tập và khuếch tán, chênh lệch giữa các khu vực, quy luật tác động lẫn nhau giữa ĐTH và CNH. Nội dung này được làm rõ trong công trình *Đi tìm Quy luật đô thị hóa của thế giới* (Bộ Xây dựng, 2007) [19]. Ngoài các quy luật ĐTH, những nội dung khác được bàn luận như: nội hàm khoa học của ĐTH, ĐTH trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, những tác hại lớn do ĐTH trì trệ ở các nước châu Á.

Nội dung các công trình dần chuyên sâu và tập trung vào nghiên cứu sự phát triển mạng lưới đô thị và quá trình ĐTH tự giác. Lí do: khi nhiều khu công nghiệp, khu kinh tế được hình thành với quy mô lớn góp phần mở rộng và phát triển các đô thị, tạo tiền đề cho quá trình ĐTH tự giác. Tuy vậy, cùng với quá trình ĐTH tự giác là những thách thức không nhỏ đối với sự phát triển ổn định và bền vững của đô thị hiện nay [20]. Vì vậy, phát triển đô thị bền vững đang là vấn đề cấp thiết và nhiều thách thức. Để phát triển đô thị bền vững, cần quán triệt ba quan điểm sau:

(1) Quan điểm của Liên hợp quốc: “Đô thị là những hệ sinh thái nhân văn không khép kín. Môi trường và cuộc sống của các đô thị có quan hệ mật thiết với vùng ngoại vi và phụ cận để trao đổi nguồn năng lượng, vật chất và thông tin... Đô thị không thể tự nó phát triển và bền vững. Một đô thị bền vững là có sự bền vững đồng thời của các mặt quan hệ KT-XH và môi trường”.

(2) Quan điểm của Trung tâm về Định cư con người của Liên Hợp Quốc: “Việc quy hoạch và quản lí phát triển thành phố bền vững cần sự thỏa thuận, hợp tác hành động của mọi thành phần xã hội”.

(3) Quan điểm của Trung tâm Môi trường khu vực Trung và Đông Âu: “Một đô thị bền vững được thể hiện sự thống nhất trong kế hoạch hành động và chính sách với mục đích đảm bảo khả năng cung cấp thích hợp của những nguồn tài nguyên, khả năng tái tạo sự công bằng các tiện ích xã hội và phát triển kinh tế, sự thịnh vượng đối với thế hệ tương lai.

Những quan điểm trên nhấn mạnh việc phát triển đô thị bền vững được thống nhất cả ba yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống. Dựa vào cơ sở lí luận và thực tiễn về ĐTH ở Việt Nam từ 1986 đến 2008, bài báo đã nêu lên những tồn tại trong phát triển đô thị bền vững và đề xuất các giải pháp: đảm bảo quyền phát triển đa văn hóa; phát triển đô thị hợp lí; xây dựng thể chế, chiến lược quy hoạch, chính sách quản lí đô thị phù hợp.

Các công trình về cơ sở lí luận ĐTH được quan tâm nghiên cứu [21-23]. Công trình *Địa lí đô thị* của Phạm (2008) [21] đã tổng quan các vấn đề về cơ sở lí luận của quá trình ĐTH trên thế giới và Việt Nam. Nội dung cốt lõi gồm: lí luận chung về đô thị và ĐTH, các vấn đề về đô thị và khái quát quá trình ĐTH ở Việt Nam. Công trình *Đô thị học* của Trương (2011) [22] đã trình bày cơ sở lí luận theo tiếp cận khoa học xã hội và nhân văn. Các khái niệm đô thị, ĐTH đúc kết mối quan hệ của tri thức, nghề nghiệp, thái độ ứng xử tạo nên lề lối quy hoạch, từ đó hình thành cách tiếp cận khác nhau về quy hoạch đô thị. Một trong những nghiên cứu định lượng hướng đến việc đánh giá quá trình ĐTH là nghiên cứu của Phạm & Huỳnh (2012) [23]. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá ĐTH, gồm có: KT-XH (tổng thu ngân sách trên địa bàn (tỉ đồng/năm), mức tăng trưởng kinh tế trung bình năm, tỉ lệ GDP phi nông nghiệp/tổng GDP, GDP/người, tỉ lệ lao động phi nông nghiệp, tỉ lệ hộ nghèo; Dân số đô thị (quy mô, mật độ, tỉ lệ thị dân, tốc độ tăng). Căn cứ vào quá trình chuyển đổi từ quần cư nông thôn đến mức độ ĐTH cao nhất sau đó nội suy từ chuẩn tối

thiểu theo quy định của Chính phủ để định lượng cho các tiêu chí. Phương pháp thang điểm tổng hợp được sử dụng để đánh giá quá trình và chất lượng ĐTH.

Từ chủ trương phát triển đô thị của Đảng, Nhà nước và chính sách ĐTH, [2] Trương (2013) đã làm rõ các đặc điểm, những yếu kém, thách thức của quá trình ĐTH ở Việt Nam thời kì đổi mới. Tác giả đã đề xuất một số giải pháp về quản lí hành chính đô thị, hệ thống quy hoạch, quản lí phát triển đô thị, hệ thống pháp luật đô thị, xây dựng chiến lược định hướng phát triển đô thị, tăng tính tích cực của người dân vào xây dựng và phát triển đô thị. Nghiên cứu của Tổng cục Thống kê năm 2021 làm rõ một vấn đề xã hội nảy sinh từ quá trình ĐTH, đó là: chênh lệch thu nhập, khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng [24]. Sự phân hóa này thấy rõ giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các nhóm dân cư, giữa các vùng kinh tế, giữa các địa phương... Chênh lệch giàu nghèo sẽ dẫn tới sự bất bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ đô thị như: nhà ở, việc làm, giáo dục, y tế, điện nước, môi trường. Vì vậy, đây là một thách thức cần cải thiện ở tất cả các địa phương.

Nghiên cứu đầu tiên đề cập đến vấn đề lí luận về hiện đại hóa đô thị trong điều kiện thực tiễn Việt Nam là *Hiện đại hóa đô thị tại Việt Nam: Một số vấn đề lí luận* của Nguyễn & Ngô (2023) [25]. Bản chất của hiện đại hóa là làm cho các hoạt động phát triển và quản lí sự phát triển chưa hiện đại trở nên hiện đại; làm cho các hoạt động phát triển và quản lí sự phát triển đã hiện đại trở nên hiện đại hơn dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến hơn. Điều này thể hiện qua: trình độ công nghệ sử dụng trong các hoạt động phát triển và quản lí sự phát triển. Như vậy, mỗi quốc gia, mỗi đô thị muốn hiện đại hóa phải có: chủ trương rõ ràng, phương tiện và phương pháp hiện đại hóa. Để hiện đại hóa thành công cần hội tụ các điều kiện sau: Năng lực quản lí, điều hành của chính quyền các cấp, mức độ quan tâm của các tập đoàn nắm giữ công nghệ hiện đại, tiên tiến, nguồn nhân lực đủ sức tiếp nhận công nghệ hiện đại, tiên tiến có khả năng nghiên cứu phát minh, khả năng thu hút, phát huy tác động tích cực của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế về công nghệ.

Nghiên cứu lí luận về ĐTH ở nước ta là cơ sở quan trọng cho việc hoạch định, điều chỉnh chính sách phát triển KT-XH ở tầm vĩ mô và vĩ mô, cả trong hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, cần thêm những nghiên cứu sâu về các hạn chế, thách thức để tìm ra quy luật chung. Từ đó có những giải pháp tổng thể, kịp thời, đảm bảo tăng trưởng kinh tế và giữ vững ổn định, công bằng xã hội.

2.2.2.2. Hướng nghiên cứu về thực tiễn Đô thị hóa tại Việt Nam

Các nghiên cứu về thực tiễn ĐTH ở Việt Nam đã xem xét dưới nhiều góc cạnh, nêu ra những vấn đề phát sinh, nghịch lí, thách thức trong quá trình ĐTH. Những vấn đề chung như: ĐTH ở khu vực Đông Nam Bộ cũng đối mặt với những thách thức về vấn đề: dân số tăng nhanh, quy hoạch không gian đô thị chưa hiệu quả, không bền vững [26]. Đi sâu vào nghiên cứu quá trình ĐTH tại một đô thị cụ thể có rất nhiều công trình như: (1) Nguyễn (1996) [27] đã làm rõ những vấn đề tồn tại thành phố Hồ Chí Minh. Đó là các vấn đề: tốc độ tăng trưởng quy mô dân số, quá trình ĐTH không đi đôi với phát triển KT-XH; quy hoạch đô thị chưa theo kịp yêu cầu phát triển KT-XH, quy hoạch đô thị chưa đóng vai trò là cơ sở khoa học cho phát triển trung và dài hạn; công tác quản lí đô thị còn nhiều yếu kém; cơ sở hạ tầng nhiều hạn chế; môi trường đô thị ngày càng suy thoái. (2) Ngô (2023) [28] đã nghiên cứu hiện trạng ĐTH ở Bà Rịa - Vũng Tàu từ 2010 đến 2020 qua các chỉ tiêu về dân số, kinh tế, sử dụng đất, cơ sở hạ tầng, mạng lưới đô thị và đề xuất một số giải pháp để phát triển đô thị ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong tương lai.

Thực trạng quá trình ĐTH ở Hải Phòng đã được làm rõ ở các khía cạnh: mức độ và tốc độ ĐTH nhanh, phức tạp với xu hướng biến đổi và các đặc điểm khác nhau [29]. Quá trình ĐTH ở đây phân hoá theo lãnh thổ rõ rệt ở 03 khu vực theo 3 mức độ từ: khá cao, trung bình và thấp. Cấu trúc và tổ chức không gian đô thị có nhiều thay đổi. Điều đáng học hỏi là trong quá trình ĐTH, một số mô hình đô thị tiên tiến được quy hoạch phát triển, giúp Hải Phòng tiếp cận tiêu chuẩn của đô thị hiện đại. Nghiên cứu về ảnh hưởng của ĐTH đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bình Dương từ 2000 đến 2015 [30] cho thấy những vấn đề bất hợp lí trong quy hoạch KCN, cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường và những vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển đổi mục đích

sử dụng đất. Bài học rút ra là những tỉnh thành có quá trình ĐTH đúng quy luật và thành công như Bình Dương vẫn cần chú ý đến công tác quy hoạch, quản lý đất đai trong quá trình chuyển đổi.

Báo cáo của Ngân hàng thế giới thực hiện năm 2011 đã tìm hiểu các khía cạnh và phương diện chính của quá trình ĐTH tại Việt Nam [31]; đồng thời xác định các xu hướng, cơ hội, thách thức và chính sách ưu tiên cần thực hiện. Ngoài phân tích quá trình phát triển của hệ thống đô thị Việt Nam theo 5 chuyển đổi: hành chính, dân số, kinh tế, không gian và đời sống, báo cáo còn làm rõ một số lĩnh vực ưu tiên: Sự phát triển hệ thống đô thị (vai trò của các TP lớn), sự kết nối danh mục đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị, sự mở rộng và phát triển không gian đô thị, phát triển các dịch vụ y tế, giáo dục. Những phân tích này là các chẩn đoán cơ sở, cung cấp một cái nhìn đầy đủ hơn về các yếu tố căn bản trong quá trình ĐTH của Việt Nam, làm rõ những thách thức mà Việt Nam đang đối mặt và xác định những lĩnh vực cần phân tích thêm, giúp các nhà hoạch định chính sách giải quyết nhằm tối đa hóa các lợi ích từ quá trình chuyển đổi đô thị đang diễn ra.

Bản về ĐTH ở Việt Nam từ 1986, Hoàng & Đoàn (2015) [32] làm rõ những hiện tượng đi ngược quy luật chung ở một số địa phương. Quá trình ĐTH diễn ra không đồng đều giữa các vùng trên cả nước, khi phần lớn là các đô thị vừa và nhỏ. ĐTH thường gắn với chủ trương mở rộng địa giới hành chính, nâng cấp đô thị dẫn đến hiện tượng “ĐTH cưỡng bức” hay nông thôn hóa đô thị. Do vậy, ở các đô thị lớn, tình trạng nhập cư vừa là động lực vừa tạo áp lực.

Hai mươi năm đô thị hóa Nam Bộ - Lí luận và thực tiễn là đề tài cấp quốc gia có giá trị thực tiễn cao tập trung vào nghiên cứu sự chuyển biến trong các đô thị điển hình khu vực Nam Bộ (TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Bình Dương) [33]. Những vấn đề về: vị trí kết nối; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; sự thu hẹp diện tích đất nông nghiệp; vấn đề di dân và tăng dân số cơ học; đô thị hóa vùng ven, sự xuất hiện các thiết chế phi nông nghiệp - đất đai biến động mạnh; vùng ven nơi hội tụ của nhiều nguồn dân cư; vùng ven nơi nông nghiệp đối mặt với đô thị hóa; tổng kết chuyển biến cơ cấu việc làm của vùng ven sau 20 năm đô thị hóa; sự xuất hiện ngày càng cao việc làm phi chính thức; những tác động của đô thị hóa tới xã hội, di dời - tái định cư, văn hóa, môi trường.

Bản về định hướng liên kết vùng để đạt mục tiêu ĐTH bền vững, Tôn & Nguyễn (2015) đã nhấn mạnh vai trò của chính quyền địa phương. Để áp dụng thành công bài học kinh nghiệm quốc tế, cần quan tâm đến đặc thù thể chế tại Việt Nam. Ở nước ta, chính quyền địa phương có ít thẩm quyền trong phát triển KT-XH. Ngược lại, thành công của quốc tế cho thấy để giảm thiểu bất đồng, chính quyền địa phương thường phát triển một hệ thống đối thoại có phạm vi rộng lớn để trao đổi kinh nghiệm, thương lượng giải quyết những tồn tại. Ngoài ra, chính quyền địa phương cần thống nhất, chia sẻ về tầm nhìn chung, xác định các vấn đề chung cần giải quyết thông qua đối thoại với chính quyền cùng cấp, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ. Công trình cũng đề xuất các chính sách liên kết vùng đô thị về: liên kết ngành/lĩnh vực, liên kết theo địa bàn lãnh thổ, tổ chức bộ máy thực thi liên kết vùng đô thị, phương thức liên kết vùng đô thị, liên kết hàng dọc (chỉ đạo của trung ương), liên kết hàng ngang (phối hợp giữa các tỉnh thành trong vùng đô thị).

Một số nơi có quá trình ĐTH phù hợp với thực tế phát triển đã được Đào, Nguyễn, & Huỳnh (2018) phân tích [34]. Mặc dù, năm 2011, trước khi có quyết định chuyển từ huyện thành thị xã, phần lớn dân số Thuận An là lao động phi nông nghiệp, số liệu thống kê về tỉ lệ thị dân của Thuận An vẫn rất thấp. Sau nâng cấp, tốc độ ĐTH của Thuận An tăng nhanh. ĐTH ở Thuận An là phù hợp còn thể hiện qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế và biến động diện tích mục đích sử dụng đất. Năm 2005, dù đang là huyện, tỉ lệ diện tích nhóm đất phi nông nghiệp lại cao hơn nhóm đất nông nghiệp 14,84 %. Đây là cơ cấu sử dụng đất ở khu vực đô thị. Như vậy, quá trình ĐTH ở Thuận An là hợp lý, xuất phát từ sự phát triển KT-XH và phù hợp với quy luật chung của ĐTH.

Một số nghiên cứu quan tâm đến các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ĐTH. Các tác giả Trương, Đỗ & Nguyễn (2017) [35], đã làm rõ và khẳng định Đà Nẵng là nơi có quá trình ĐTH diễn ra mạnh mẽ, thể hiện qua sự gia tăng nhanh chóng các chỉ tiêu KT-XH. Tỉ lệ dân thành thị luôn ở mức rất cao (86%) và chênh lệch mật độ dân cư rõ rệt. Mật độ khu vực thành thị cao gấp

20,52 lần nông thôn. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp cao, thu nhập và mức sống của người dân được nâng cao. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ĐTH, tổng vốn đầu tư xây dựng được xếp hạng cao nhất, rồi đến tốc độ tăng trưởng GDP. Như vậy, việc quy hoạch phát triển đô thị Đà Nẵng cần xem xét hai yếu tố quan trọng này để đưa ra chính sách phát triển hợp lý và bền vững.

Tiếp cận dựa trên quan điểm văn hóa, Trương & Lê (2010) làm rõ: cùng với sự hình thành và phát triển của lịch sử, ĐTH là tất yếu, kéo theo sự hình thành văn hoá và lối sống đô thị [36]. Văn hoá và lối sống đô thị Việt Nam được vun đắp qua các hoạt động lao động sản xuất, chiến đấu, học tập, giao tiếp xã hội, giao lưu văn hoá Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hoá nói chung, lối sống đô thị nói riêng được phát triển và ngày càng phong phú, đa dạng. Với bản sắc văn hoá và lối sống truyền thống phương Đông, nét đặc sắc của văn hoá và lối sống đô thị Việt Nam được nâng cao trên nền văn hoá dân tộc và tính nhân văn của thời đại. Cuốn sách đi sâu phân tích sự hình thành, phát triển văn hoá và lối sống xã hội trong đô thị hiện đại; tác động của ĐTH và ảnh hưởng của kinh tế, chính trị, giáo dục - đào tạo đến quá trình hình thành, biến đổi văn hoá, lối sống đô thị ở một số đô thị lớn: Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, Hạ Long, Đà Nẵng, Hội An và các tỉnh Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

Có nghiên cứu xem xét ĐTH từ góc độ văn hóa nông thôn. Làn sóng ĐTH cùng với sự phát triển hạ tầng văn hóa xã hội, mở rộng mạng lưới thông tin đại chúng, tăng cường quan hệ làm ăn, buôn bán giữa các vùng miền... làm thay đổi diện mạo nông thôn và đời sống tinh thần của người dân. Ở nông thôn, xuất hiện những yếu tố văn hóa đô thị mới mẻ, hiện đại, truyền bá các sản phẩm văn hóa, các loại hình văn học, nghệ thuật có giá trị; sự du nhập lối sống, phong cách giao tiếp, ứng xử văn minh, tiến bộ... làm cho văn hóa làng quê có những sắc thái mới. Nhìn chung, trình độ văn hóa, trình độ hưởng thụ, tham gia sáng tạo văn hóa của nông dân các vùng ĐTH được nâng lên [36], làm giảm sự chênh lệch về mọi mặt giữa nông thôn và đô thị. Tuy nhiên, một số nghịch lý, mâu thuẫn, thách thức phát sinh như: (1) vấn đề quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai nông nghiệp; (2) chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm chạp; (3) Sự ùn đọng lao động; (4) Sự phân tán, chia cắt trong quy hoạch, tổ chức không gian đô thị; (5) Hệ lụy về văn hóa, xã hội, môi trường [12].

Văn hóa đô thị cũng là vấn đề quan tâm của nhiều tác giả [15], [37]. Mạc Đường đã có cái nhìn khái quát từ việc đưa ra một số quan niệm về ĐTH, sự ra đời và phát triển của các đô thị đầu tiên trên thế giới, nhu cầu xã hội và văn hóa của đô thị. Liên hệ với quá trình ĐTH ở Việt Nam, tác giả nhấn mạnh vấn đề đáng quan tâm là: đô thị bền vững đến đô thị sống tốt. Đô thị sống tốt chú trọng đến yếu tố văn hóa đô thị. Trần và Nguyễn cũng làm rõ những biến đổi xã hội trong tiến trình ĐTH tại quận 2, thành phố Hồ Chí Minh bằng việc phân tích các số liệu thống kê sơ cấp và thứ cấp. Đó là những biến đổi về đất đai, dân cư, cơ cấu kinh tế, sự phát triển đời sống của người dân (thể hiện qua mức thu nhập, chi tiêu, các chỉ số về y tế, giáo dục) [37]. Sự biến đổi ấy thể hiện rõ nét nhất tại phường Cát Lái. Sáu chủ đề nghiên cứu quan trọng được quan tâm phân tích nhằm hỗ trợ người dân cùng chuyển mình để làm chủ vùng đất đô thị trong tương lai, bao gồm: (1) Hiện trạng và quá trình nâng cấp nhà ở, (2) Hành vi ứng xử với môi trường, (3) Biến đổi cơ cấu nghề nghiệp, (4) Phân tầng mức sống giữa các nhóm dân cư, (5) Hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, (6) Sức khỏe và việc chăm sóc sức khỏe.

Đô thị thông minh (ĐTTM) là giải pháp hiệu quả để giải quyết các vấn đề tồn tại của đô thị hóa ở Việt Nam. Để triển khai các chính sách thúc đẩy phát triển ĐTTM, chiến lược quy hoạch, khung pháp lý, đến việc nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp; xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, quy hoạch thông minh, phát triển các tiện ích đô thị thông minh, khuyến khích sự tham gia của các thành phần xã hội, đầu tư vào công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong xây dựng và quản lý ĐTTM [38]. Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ và định hướng phát triển rõ ràng để quá trình chuyển đổi đô thị thông minh có thể diễn ra đồng bộ và bền vững. Phát triển đô thị thông minh giúp giải quyết các vấn đề đô thị hóa đặt ra, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó [39].

2.3. Thảo luận và đề xuất hướng nghiên cứu về đô thị hóa ở Việt Nam

Các nghiên cứu về lí luận và thực tiễn ĐTH ở Việt Nam ngày một chuyên sâu, chi tiết hơn, xem xét trên các bình diện khác nhau, toàn diện hơn, có chú trọng đến cả các yếu tố về mặt vật chất và tinh thần.

Giai đoạn trước 2010, các nghiên cứu về thực tiễn ĐTH ở Việt Nam tập trung vào sự mở rộng quy mô đô thị trung tâm, với làn sóng di dân chủ đạo là nông thôn- đô thị, tương tự như thực trạng ở Trung Quốc và các nước châu Phi [40]. Vì vậy, những thành tựu và tồn tại trong thực tiễn ĐTH ở Trung Quốc sau cải cách là những kinh nghiệm quý về ĐHT ở Việt Nam. Trong thế kỉ XXI, đô thị sẽ là động lực chính của sự liên kết và hòa nhập giữa các cộng đồng quốc gia và quốc tế. Vì vậy, quan niệm về ĐTH trong cùng một đô thị có sự thay đổi [41]. Đó là sự chuyển đổi từ tổng thể đô thị chi tiết sang chức năng phân khu cụ thể. ĐTH không có hiện tượng tập trung dân số với mật độ cao, không ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, đói nghèo mà có nhiều cây xanh, nước sạch và các dịch vụ xã hội. Mô hình đô thị thông minh là xu thế phát triển tất yếu trong tương lai. Việc ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lí đô thị, phát triển đô thị bền vững, mô hình quy hoạch và phát triển đô thị thông minh, quản lí thông tin và dữ liệu đô thị, thách thức về cơ sở hạ tầng và chính sách... là những vấn đề cần đầu tư nghiên cứu.

Ở Việt Nam, ĐTH trong thế kỉ XXI sẽ là quá trình điều chỉnh cũ, xây dựng mới theo quy hoạch phân khu để tạo ra những đô thị hiện đại, đô thị thông minh, người dân có đời sống ổn định, các chính sách phát triển đô thị được nhân dân đồng thuận.

Tuy vậy, việc phát triển không gian văn hóa đô thị giai đoạn này cần chú ý đến nhu cầu tiêu dùng tinh hoa và đại chúng, tiếp biến và đối thoại văn hóa... Đặc biệt, khi lựa chọn mô hình, cần xác lập được hình ảnh quốc gia, thể hiện rõ những nét đặc trưng trong không gian văn hóa công cộng. Đây là điều Việt Nam rất cần lưu tâm và học hỏi từ Nhật Bản [42].

Từ kết quả tổng quan trên đây, bài báo này đề xuất một số hướng nghiên cứu về ĐTH trong thời gian tới như sau:

(1) Về nội dung nghiên cứu: Tăng cường các nghiên cứu lí luận và thực tiễn về đô thị hiện đại và việc quản lí đô thị hiện đại. Trong đó, những vấn đề cần đặc biệt quan tâm nghiên cứu là: Sự phát triển của chùm, chuỗi, dải đô thị...và hướng liên kết, quản lí, quy hoạch vùng đô thị; Sự xuất hiện và phát triển các đô thị thông minh và hướng nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trong quản lí đô thị tương lai; Sự dịch chuyển không gian đô thị; Sự biến đổi cấu trúc không gian bên trong đô thị; Các mô hình phát triển KT-XH đô thị

(2) Về phương pháp nghiên cứu: Cần bổ sung những nghiên cứu định lượng, phân tích sâu về: Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ĐTH tại các đô thị có chức năng khác nhau; Ảnh hưởng của ĐTH đến kinh tế -xã hội, văn hóa, môi trường; Sự gia tăng chênh lệch giàu nghèo... tại một đô thị cụ thể. Lí do: những vấn đề tồn tại, những thách thức cần được lượng hóa để đưa ra những hướng giải quyết phù hợp trong các đô thị hiện đại. Ngoài ra, cần bổ sung những nghiên cứu trường hợp (case study) để nghiên cứu toàn diện, tổng thể, nhiều khía cạnh của một đô thị cụ thể.

3. Kết luận

Các công trình nghiên cứu về ĐTH ở Việt Nam giai đoạn 2000 đến nay cho thấy: (1) Quá trình ĐTH ở nước ta những năm qua diễn ra nhanh chóng, còn nhiều thách thức và hạn chế, có khác biệt so với thế giới là những vấn đề cần phải được nhìn nhận, đánh giá khách quan. Từ đó tạo tiền đề cho việc tiếp cận đúng đắn để tìm kiếm giải pháp phù hợp cho sự phát triển đô thị. (2) Quá trình ĐTH đã được tiếp cận ở các khía cạnh khác nhau như: KT-XH, ĐTH và tăng trưởng, quản lí đô thị, văn hóa đô thị hóa...cả về mặt lí luận và thực tiễn. Tuy nhiên, vẫn cần thêm nhiều nghiên cứu hơn nữa về lí luận và thực tiễn ĐTH tại các địa phương cụ thể để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các vùng, tỉnh thành trên cả nước. Đây là cơ sở quan trọng để hoàn thiện cơ sở lí luận về quá trình ĐTH ở Việt Nam. Đồng thời, giúp các nhà

quản lý đưa ra những quyết định, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển KT-XH. Các hướng nghiên cứu cần cập nhật là ĐTH bền vững, hiện đại hóa quản lý đô thị, đô thị thông minh,... nhất là cần bổ sung các nghiên cứu định lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ĐV Thông, (2010). Di dân ngoại tỉnh vào thành phố Hà Nội: Vấn đề đặt ra và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và kinh doanh*, 26, 173-180.
- [2] TM Dục, (2013). *Đô thị hóa ở Việt Nam và những đặc trưng cơ bản của quản lý đô thị trong thời kì đổi mới*. Việt Nam học - Kì yếu hội thảo quốc tế lần thứ tư.
- [3] Tổng cục thống kê, (2009). *Migration and Urbanization in Vietnam: Patterns, Trends and Differentials*.
- [4] World Bank, (2011). *Vietnam Urbanization Review, Technical Assistant Report*.
- [5] Smith DW & Scarpaci JL, (2000). Urbanization in transitional societies: An overview of Vietnam and Hanoi. *Urban Geography*, 21(8), 745-757.
- [6] BV Tuấn, (2010). *Tác động của đô thị hóa đến các vấn đề xã hội vùng ven đô Hà Nội hiện nay, nghiên cứu trường hợp xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm*, trong *Tác động của đô thị hóa đến các vấn đề xã hội vùng ven đô Hà Nội hiện nay*. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [7] World Bank, (2020). *Vietnam's Urbanization at a Crossroads Embarking on an Efficient, Inclusive, and Resilient Pathway*.
- [8] Tổng cục thống kê, (2019). *Migration and Urbanization in Vietnam: Patterns, Trends and Differentials*.
- [9] F Peilei, O Zutao, NDDương, PHogeun, ChenJiquan & NTT Hằng, (2019). Urbanization, economic development, environmental and social changes in transitional economies: Vietnam after Doimoi. *Landscape and Urban Planning Journal*, 187, 145-155.
- [10] VK Cương, (2004). *Quản lý đô thị thời kì chuyển đổi*. NXB Xây dựng, Hà Nội.
- [11] TTM Thông, (2006). *Quá trình ĐTH và sự tác động tới khu vực nông thôn*. Bộ Xây dựng.
- [12] PH Phú, (2010). *Đô thị hóa ở Việt Nam - từ góc nhìn nông nghiệp, nông thôn, nông dân*. Báo Điện tử Chính phủ.
- [13] K Krippendorff, (2004). *Content analysis: An introduction to its methodology* (2nd ed.), Thousand Oaks: Sage Publications.
- [14] DT Phường, (1995). *Đô thị Việt Nam tập I, II*. NXB Xây dựng, Hà Nội.
- [15] M Đường, (2016). *Môi trường văn hóa đô thị hiện đại*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [16] NB Sơn, (1996). *Đô thị hóa tại Việt Nam và Đông Nam Á*. Viện KHXH vùng Nam bộ, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [17] N Nghị, (1996). *Đô thị hóa tại Việt Nam và Đông Nam Á*". Viện KHXH vùng Nam bộ, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [18] DH Nghiêm, (1996). *Đô thị hóa tại Việt Nam và Đông Nam Á*. Viện KHXH vùng Nam bộ, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [19] Bộ Xây dựng, (2007). *Đi tìm quy luật đô thị hóa của thế giới*. Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng, Hà Nội.
- [20] BV Tuấn, (2008). *Phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, trong *Khoa học phát triển: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 283.
- [21] PTX Thọ, (2008). *Địa lý đô thị*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [22] TQ Thao. (2003). *Đô thị học, những khái niệm mở đầu*. NXB Xây dựng, Hà Nội.

- [23] PĐV Trung & HPD Phát, (2012). Xây dựng hệ thống tiêu chí theo thang bậc để xác định và đánh giá quá trình đô thị hóa ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 35, 88-98.
- [24] Tổng cục Thống kê, (2021). Tác động của đô thị hóa đến chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam.
- [25] NT Đông & NT Quỳnh, (2023). Hiện đại hóa đô thị tại Việt Nam: Một số vấn đề lý luận. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 20, 12-15.
- [26] PB Việt, (2015). Trích *20 năm đô thị hóa Nam Bộ - Lý luận và thực tiễn* (chủ biên Tôn Nữ Quỳnh Trân). NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [27] NV Tài, (1996). *Trích Đô thị hóa tại Việt Nam và Đông Nam Á*. Kỷ yếu Viện khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu Đông Nam Á.
- [28] NTH Yên, ĐV Khắc & NT Thủy, (2023) “Hiện trạng đô thị hóa ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2010 – 2020”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 68(1), 99-108. Doi: 10.18173/2354-1067.2023-0011.
- [29] VT Chuyên, (2009). “Xu hướng chuyển đổi cơ cấu đất trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Hải Phòng”. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 54(7), 150 – 159.
- [30] NTH Phương, (2017). Quá trình ĐTH ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bình Dương giai đoạn 2000- 2015. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 14(5),120-125.
- [31] Ngân hàng thế giới, (2011). Đánh giá Đô thị hóa ở Việt Nam. Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật.
- [32] HB Thịnh & ĐTT Huyền, (2015). Đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 5 (90), 55-61.
- [33] TNQ Trân & NV Hiệp, (2015). *20 Năm đô thị hóa Nam Bộ, lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
- [34] ĐĐ Hưởng, NH Ngừ & HV Chương, (2018). Đánh giá thực trạng đô thị hóa tại thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, 127(3A), 37–47, DOI: 10.26459/hueuni-jard.v127i3A.4350.
- [35] TĐM Phương, ĐTV Hương & NHK Linh, (2017). *Nghiên cứu thực trạng đô thị hóa và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ĐTH tại thành phố Đà Nẵng*. Khoa học công nghệ.
- [36] TM Dục & LV Định, (2010). *Văn hóa và lối sống đô thị Việt Nam - Một cách tiếp cận*. NXB Chính trị, Hà Nội.
- [37] TĐ Tâm & NTC Trâm, (2014). Biến đổi xã hội trong tiến trình đô thị hóa tại quận 2, thành phố Hồ Chí Minh nhìn từ các số liệu thống kê. *Tạp chí Khoa học xã hội*, 11-20.
- [38] NH Hoàng, (2023). Xây dựng đô thị thông minh trong bối cảnh chuyển đổi số, *Tạp chí Quản lý Nhà nước* 31/10/2023.
- [39] L Hào, (2023). Xây dựng, phát triển đô thị thông minh trong bối cảnh đô thị hóa & chuyển đổi số ở Việt Nam. *Tạp chí Xây dựng & Đô thị* số 86+87/2023.
- [40] PS Liêm, (2018). *Đô thị hóa ở Trung Quốc – Bài học kinh nghiệm phát triển bền vững cho Việt Nam*. Kiến trúc Việt Nam.
- [41] Ngân hàng thế giới, (2008). Đô thị hóa và tăng trưởng.
- [42] NĐĐ Quyền, HS Quý & NT Lê, (2023). *Phát triển không gian văn hóa đô thị ở Nhật Bản thời cận đại*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.